TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2024/DS-ST
Ngày: 28/3/2024
Về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Quang Đáng

2. Ông Đặng Hoàng Mơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc *"Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2023/QĐXXST-DS ngày 11/12/2023, thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa số 01/2024/TB-TA ngày 14/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C (8 Cướng), sinh năm 1965; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Tài Đ, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (Ông V, bà Đ đều vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Văn V do luật sư bà Nguyễn Trần Thụy Q - Văn phòng L1 (bà Q có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông yêu cầu bị đơn vợ chồng ông V, bà Đ bồi thường thiệt hại những vấn đề sau:

Yêu cầu bồi thường thiệt hại do ông V gây ra 03 lần phá vuông tôm làm tài sản của ông gồm tôm càng xanh, tôm thẻ, cua mất trắng với tổng giá trị là 152.000.000 đồng.

Ngoài ra, yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với diện tích tổng cộng 1900m^2 (đo đạc thực tế là 2.255m^2) trong đó có diện tích 1.115,6m^2 bị lấn chiếm, diện tích 1.139,6m^2 không canh tác được làm thiệt hại thu nhập hàng tháng từ ngày 25/01/2022 đến ngày xét xử là 26 tháng (mỗi tháng 365.000 đồng) với tổng số tiền là 9.490.000 đồng. Cụ thể: Yêu cầu bồi thường thiệt hại từ ngày 25/01/2022 đến 25/10/2022 là 09 tháng với số tiền là 3.285.000 đồng, từ ngày 26/10/2022 đến ngày xét xử ông chỉ tính là 17 tháng với số tiền là 6.205.000 đồng.

Diện tích đất ông C yêu cầu vợ chồng ông V, bà Đ bồi thường theo đo đạc thực tế 1.115,6m^2 +1.139,6m^2 (Vị trí tứ cạnh theo tờ trích đo địa chính số 79-2023, ngày 20/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V) và phần đất ông thuê của bà N đã cưỡng chế thi hành án giao đất trả lại bà N do ông V đại diện của bà N nhận đất.

Nay yêu cầu vợ chồng ông V, bà Đ bồi thường thiệt hại tổng số tiền 161.490.000 đồng (trong đó thiệt hại tiền tôm, cua bị mất trắng là 152.000.000 đồng, thiệt hại diện tích đất không canh tác được xác định theo giá thuê 365.000đồng/tháng với tổng số tiền là 9.490.000 đồng).

Người bảo vệ quyền, lợi ích của bị đơn ông V do luật sư bà Nguyễn Trần Thụy Q trình bày:

Nguồn gốc phần đất phía ông C yêu cầu vợ chồng ông V bồi thường là của bà N cho ông C thuê QSD đất theo Bản án số 33/2020/DS-ST ngày 21/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, buộc ông C phải thu hoạch tài sản có trên đất trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật để giao trả lại diện tích đất thuê cho bà N; ông V là người đại diện theo ủy quyền của bà N tham gia tố tụng và bà N ủy quyền cho ông V trong quá trình thi hành án. Theo biên bản cưỡng chế giao QSD đất ngày 28/12/2021 ông C ký tên bàn giao đất không có đề cập có tài sản gì trên đất, sau khi nhận đất ông V sử dụng đào bờ để sả nước sử dụng trong phạm vi phần đất được thi hành áo giao cho bà N, không ảnh hưởng gì đối với đất ông C, không ảnh hưởng tài sản của ông C. Nay ông C yêu cầu vợ chồng ông V bồi thường thiệt hại thì bà là người bảo vệ

quyền lợi ích hợp pháp cho ông V có ý kiến không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Bị đơn ông V, bà Đ có đơn xin vắng mặt nên không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà ông C về việc yêu cầu vợ chồng ông V, bà Đ bồi thường thiệt hại số tiền 161.490.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông V, bà Đ có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp *"Yêu cầu bồi thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản"*. Cụ thể ông C yêu cầu vợ chồng ông V, bà Đ phải bồi thường thiệt hại do tôm, cua bị mất trắng với số tiền là 161.490.000 đồng. Đây là vụ án "Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Nguyên đơn ông C yêu cầu bồi thường thiệt hại trước đây là ông thuê QSD đất của bà Trương Thị N (mẹ ông) sử dụng 01 phần khoảng 14 công, sử dụng phần đất của bà T khoảng 01 phần và sử dụng phần đất của ông khoảng 02 công. Thời điểm tranh chấp hợp đồng thuê đất giữa mẹ ông với ông xác định đầu năm 2020 ông có thả tôm càng xanh, tháng 6/2020 thả 300 tôm thẻ và 100 thiên càng xanh. Đến tháng 9/2020 ông có thu hoạch thẻ và cuối năm 2020 có thu hoạch tôm càng xanh nhưng xác định là thu hoạch tôm được thả của năm 2020.

Tại phiên toà, ông C cho rằng ông không có tham dự phiên xét xử trong vụ án án tranh chấp hợp đồng thuê QSD đất với mẹ ông, sau khi giải quyết xong

ông cũng không có nhận được bản án, ông không biết bản án có cho thời hạn thu hoạch tôm nên ông vẫn cứ thả tôm nuôi tiếp tục. Cụ thể ngày 20/6/2021 al ông thả tôm giống gồm 100 thiên tôm càng xanh là 20.000.000 đồng, ngày 30/6/2021 al ông thả 300 thiên tôm thẻ giá là 10.000.000 đồng, thả 6 thiên cua là 2.100.000 đồng.

Ông C xác định trước thời điểm cưỡng chế Thi hành án khoảng vài ngày (không nhớ cụ thể) có ông Tuấn A là cán bộ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận vào nhà ông để đưa giấy tờ cho ông và ông Tuấn A có giải thích nói ông phải làm đơn yêu cầu trong thời hạn 15 ngày để được thu hoạch tôm trong thời hạn 03 tháng theo bản án tuyên nhưng ông C không nhận bất cứ giấy tờ của ông Tuấn A giao. Đến ngày 28/12/2021 phần đất ông đang quản lý nuôi tôm cũng chưa thu hoạch tôm thì ông cũng ký tên vào biên bản cưỡng chế giao QSD đất ngày 28/12/2021 và có nói không thống nhất bản án của Toà án Vĩnh Thuận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông C, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông C cho rằng phần đất được Thi hành án giao trả cho bà N vào ngày 28/12/2021 là còn tài sản như tôm, cua chưa thu hoạch nên sau khi ông đã ký tên vào biên bản cưỡng chế giao QSD đất ngày 28/12/2021 thì ông V có hành vi tiến hành đào bờ xả nước chảy ra ngoài vào các lần cụ thể: Lần 1 ngày 28/12/2021 thời gian khoảng 13 giờ đến 14 giờ cùng ngày sau khi Hội đồng cưỡng chế giao đất trả cho bà N (ông V đại diện nhận đất), sau khi nhận đất xong thì ông V kêu 2 đến 3 người đào bằng vá (cây len) vị trí đất ông V cho người đào bờ phần đất của bà N giáp đất cập bên giáp đất của ông D, cụ thể đào bờ khoảng 2m ngang, chiều sâu khoảng 1m; lần thứ 2 cách đó mấy ngày (khoảng ngày 03/01/2022) ông V tiếp tục tiến hành đào sâu đường nước đã đào trước đó; lần 3 đến khoảng ngày 10/01/2022 vợ chồng ông V tiếp tục thuê xe cuốc vào đào bờ phá nát để xả nước chảy ra làm thiệt hại tôm thẻ, cua, tôm càng xanh tổng giá trị ông yêu cầu bồi thường là 152.000.000 đồng (thực tế ông C xác định chi phí mua con giống là 300 thiên tôm thẻ là 10.000.000 đồng, 6000 con cua là 2.100.000 đồng, 100 thiên tôm càng xanh là 20.000.000 đồng). Ngoài ra, từ ngày 25/01/2022 đến ngày xét xử là 26 tháng với tổng số tiền là 9.490.000 đồng trong đó yêu cầu bồi thường thiệt hại từ ngày 25/01/2022 đến 25/10/2022 là 09 tháng với số tiền là 3.285.000 đồng, từ ngày 26/10/2022 đến ngày xét xử ông chỉ tính là 17 tháng với số tiền là 6.205.000 đồng. Như vậy, tổng cộng ông yêu cầu bồi thường thiệt hại là 161.490.000 đồng (trong đó thiệt hại tiền tôm, cua bị mất trắng là

152.000.000 đồng, thiệt hại diện tích đất không canh tác được xác định theo giá thuê 365.000đồng/tháng với tổng số tiền là 9.490.000 đồng).

Xét thấy, Tại bản án số 33/2010/DS-ST ngày 21/10/2020 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Thuận giải quyết về việc tranh chấp hợp đồng thuê QSD đất giữa ông C với bà N, theo đó buộc ông C phải thu hoạch tôm trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để giao trả đất. Đến ngày 28/12/2021 là tiến hành cưỡng chế giao QSD đất cho bà N (lúc đó ông V đại diện thi hành án) thì người phải thi hành án là ông Nguyễn Văn C đã ký tên vào biên bản về việc cưỡng chế giao QSD đất ngày 28/12/2021 có thể hiện ông C có ghi nội dung "ông không thống nhất bản án của Toà án Vĩnh Thuận" ngoài ra ông cũng không đề cập gì đến việc trên đất có còn tài sản gì hay không, nay xác định là có thiệt hại là chưa phù hợp. Việc ông C khai nại do ông không nhận bản án nên ông không biết cho thời hạn thu hoạch tôm. Xét thấy, qua sao lục hồ sơ thụ lý số 116/2018/TLST-DS ngày 12/12/2018 về việc tranh chấp hợp đồng thuê QSD đất giữa bà N với vợ chồng ông C thấy rằng Toà án Vĩnh Thuận có tống đạt Bản án số 33/2020/DS-ST ngày 21/10/2020 cho vợ chồng ông C, bà H bằng cách niên yết bản án vào ngày 24/11/2020, việc niêm yết bản án là đúng quy định pháp luật theo Điều 173, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, ông C thừa nhận có cán bộ Toà án vào tống đạt giấy tờ cho ông nhưng ông không đồng ý nhận các giấy tờ trên của Toà nên không biết cán bộ Toà án giao giấy tờ gì. Do đó, nay ông cho rằng ông không nhận bản án, không biết cho thời hạn thu hoạch tôm nên ông vẫn tiếp tục thả tôm, thả cua vào tháng 6/2021 al là hoàn toàn do lỗi của ông C.

Tại biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Tuấn A ngày 22/11/2023 (Bút lục 99) ông Tuấn A xác định "ông có vào nhà của ông C gặp ông C trao đổi gửi thủ tục Thi hành án về việc bàn giao trả đất thuê thì ông C có nhận các thủ tục tống đạt thi hành án nhưng không đồng ý ký tên vào các biên bản, đồng thời có giải thích trong bản án số 33/2020/DS-ST ngày 21/10/2020 có tuyên buộc ông C, bà H thu hoạch tài sản có trên đất trong thời hạn 03 tháng để giao trả đất cho bà N kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật" thì ông C không thống nhất trả đất thuê cho bà N. Đến ngày 28/12/2021 Hội đồng cưỡng chế thi hành án xuống cưỡng chế giao trả đất thuê thì Hội đồng hay thành viên nào của Hội đồng thi hành án không ai giải thích cho ông C sau khi thi hành án xong ông C có quyền làm đơn lên trên trong vòng 15 ngày để ông C thu hoạch tôm trong thời hạn 03 tháng, cùng ngày thi hành án ông V có cho người đào tay bằng vá ngay vị trí đất

được thi hành án của bà N phía giáp đất với ông D, không có đào phần đất của ông C, khi thi hành án ông C không đề cập cho Hội đồng thi hành án dưới vuông có tôm cua gì không.

Tại biên bản xác minh lời khai của ông Nguyễn Văn Ú (Út Lớn) ngày 28/02/2024 (Bút Lục 131) xác định chữ ký trong đơn xác nhận ngày 25/12/2023 là của ông, xác định năm 2021 ông C có mua 6000 cua giống với số tiền 2.100.000 đồng là sự thật, còn việc ông C mua con giống cho ông hay cho ai khác thì ông không rõ, khi mua ông C thả ở đâu không rõ.

Tại biên bản xác minh lời khai của ông Ngô Văn L ngày 26/02/2024 (Bút Lục 130) xác định chữ ký trong đơn xác nhận là của ông, xác định ngày 20/6/2021 có bán 200 thiên tôm càng xanh, việc mua bán đã trả tiền xong không có giấy tờ hoá đơn gì, còn việc ông C mua con giống cho ông hay cho ai khác thì ông không biết và cũng không rõ thả ở đâu.

Tại biên bản xác minh lời khai của ông Lê Văn T1 ngày 26/02/2024 (Bút Lục 129) xác định chữ ký trong đơn xác nhận là của ông, xác định năm 2021 có bán 300 thiên tôm thẻ cho ông C với giá là 10.500.000 đồng nhưng có bớt giảm 500.000 đồng, chỉ tính giá là 10.000.000 đồng, việc mua bán đã trả tiền xong không có giấy tờ hoá đơn gì, ông C mua con giống ông C thả không có mua dùm cho ai và 01 tháng sau khi mua tôm giống thì ông C có gọi điện cho ông nói là đất bị cuốc banh hết không thu hoạch tôm gì hết.

Xét thấy những chứng cứ ông C cung cấp nêu trên đều thừa nhận có bán con giống cho ông C. Tuy nhiên, lời khai ông Ú, ông L không xác định được ông C thả giống ở đâu, đối với lời khai của ông T1 xác định 01 tháng sau khi mua tôm giống thì ông C có gọi điện cho ông nói là đất bị cuốc banh hết không thu hoạch tôm gì hết là mâu thuẫn với lời trình bày của ông C tại phiên Toà, mâu thuẫn với lời trình bày của ông C trong các biên bản lời khai vào các ngày 27/12/2022, 18/10/2023 đều xác định là ngày 30/6/2021 al ông thả 300 thiên tôm thẻ giá là 10.000.000 đồng. Xét lời trình bày của ông C thả tôm thẻ vào 30/6/2021, còn lời trình bày của ông T1 sau khi mua con giống bên ông T1 thì 01 tháng sau cho rằng bị cuốc banh hết vuông là không phù hợp với thời điểm ông V cho người đào bờ vào ngày 28/12/2021. Do đó, việc ông C xác định ông mua tôm thẻ của ông T1 số tiền 10.000.000 đồng để thả vào vuông tôm vào ngày 30/6/2021 là hoàn toàn không có căn cứ pháp lý. Xét lời trình bày của bà Q là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông V là hoàn toàn có căn cứ bởi lẽ ông V sử dụng đất trong phạm vi đất của bà N đã uỷ quyền cho ông V nhận tài

sản khi cưỡng chế giao đất là không có lỗi của ông V; chứng cứ của ông C đưa ra thả tôm thẻ giống về mặc thời gian khi mua tôm của ông T1 với thời gian ông thả vào vuông vào tháng 6/2021 là có sự mâu thuẫn. Như vậy, ông C không có chứng cứ chứng minh ông V có gây thiệt hại nên yêu cầu bồi thường không được chấp nhận.

Xét đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là phần đất khoảng 02 công từ tháng 01/2022 đến nay yêu cầu bồi thường theo tiền thuê mỗi tháng là 365.000 đồng, tổng giá trị bồi thường là 9.490.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định, đối với diện tích đất này ông C bỏ hoang không sử dụng, ông không có chứng cứ chứng minh ông V có gây thiệt hại mà lỗi hoàn toàn phát sinh từ phía ông C nên yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 584 *(quy định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại)* của Bộ luật dân sự 2015. Đồng thời theo quy định tại Điều 91 *(quy định về nghĩa vụ chứng minh)* của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh của đương sự khi có yêu cầu phải có căn cứ và hợp pháp mà ông C không chứng minh được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông C đối với vợ chồng ông V, bà Đ.

[5] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 161.490.000 đồng x 5% = 8.074.500 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.882.000 đồng theo biên lai thu số 0004000 ngày 17/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; ông C còn phải nộp thêm số tiền 4.192.500 đồng (làm tròn 4.193.000 đồng).

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.577.070 đồng, ông C phải chịu, đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng Điều 584 của Bộ luật dân sự 2015; áp dụng Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Tài Đ số tiền là 161.490.000 đồng.

2. Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.074.500 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.882.000 đồng theo biên lai số 0004000 ngày 17/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, ông C còn phải nộp thêm tiền 4.192.500 đồng (làm tròn 4.193.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.577.070 đồng, ông C phải chịu, đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/3/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
THẨM TÒA
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Thị Phượng